TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH** Bản án số: 64/2024/HNGĐ-ST Ngày: 27-9-2024 *V/v: Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn.*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh.
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Phiếu.
- Ông Hà Quang Văn.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 111/2024/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 về việc: "Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2024/QĐ-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lao Thi D**, sinh năm 1995.**

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Bị đơn: Anh Nguyễn Viết D1**, sinh năm 1995.**

Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

(Chị D vắng mặt có đơn đề nghị xử vắng mặt; anh D1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 5 năm 2024, bản tự khai nguyên đơn chị Lao Thi D trình bày:

Về diễn biến quan hệ hôn nhân và gia đình: Chị và anh Nguyễn Viết D1 có đăng ký kết hôn ngày 05/3/2018 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại thôn Đ, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn dẫn tới vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh chửi lẫn nhau. Nguyên nhân chính dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng chị là do anh D1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Hiện anh chị đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai về mọi mặt. Nay chị D nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã sâu sắc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Viết D1.

Về con chung: Chị Lao Thị D xác định chị và anh Nguyễn Viết D1 có 02 con chung là các cháu Nguyễn Đức V, sinh ngày 23/8/2018 và Nguyễn Viết V1, sinh ngày 21/9/2020. Hiện cả 02 cháu đã chuyển về ở với anh D1 từ ngày 20/8/2024. Nếu ly hôn chị D có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Viết V1 còn anh D1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đức V cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu anh D1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lao Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Viết D1: Mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh vẫn không đến làm việc trực tiếp tại Tòa án và cũng không gửi ý kiến cho Tòa án. Tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị X là mẹ đẻ của anh D1 xác định vợ chồng chị D, anh D1 ở cùng với ông bà từ khi kết hôn đến nay. Riêng chị D thì cho con về nhà ông bà ngoại từ ngày 02/6/2024 đến nay. Về mâu thuẫn vợ chồng theo bà X là do chị D ghen tuông với anh D1 vì anh D1 làm nghề du lịch đi tiếp túc với nhiều người. Anh D1 đã nhận được các thông báo của Tòa án và có nói quan điểm của anh D1 là không muốn ly hôn để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dậy con cái. Lý do anh D1 không lên Tòa án làm việc là do còn phải đi làm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành giải quyết theo quy định. Do bị đơn không đến tham gia các phiên hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, vì vậy vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Do bị đơn có nơi cư trú tại xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Toà án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *"Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn"* là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát:* Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ:* Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lao Thị D. Xử ly hôn giữa chị Lao Thị D và anh Nguyễn Viết D1.

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Giao cháu Nguyễn Viết V1, sinh ngày 21/9/2020 cho chị Lao Thị D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Nguyễn Đức V, sinh ngày 23/8/2018 cho anh

Nguyễn Viết D1 trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

3. Về án phí ly hôn: Chị Lao Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về sự vắng mặt của anh Nguyễn Viết D1: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện N đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án và tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, việc tống đạt các văn bản tố tụng cho anh D1 của Tòa án nhân dân huyện N là hợp lệ. Tại phiên tòa, anh D1 vắng mặt không có lý do, chị D vắng mặt nhưng có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2]. **Về nội dung:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về hôn nhân:

Chị Lao Thị D và anh Nguyễn Viết D1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình ngày 05/3/2018 trên cơ sở tự nguyện. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh D1 là hợp pháp. Tuy nhiên, hai bên chỉ chung sống hạnh phúc được với nhau thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không còn tin tưởng nhau về mặt tình cảm, chị D cho rằng anh D1 có quan hệ tình cảm cảm với người phụ nữ khác xong không có chứng cứ nộp cho Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án báo gọi hòa giải anh D1 cũng không đến tham gia và thực tế hiện nay hai bên đã ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D với anh D1 là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về nuôi con chung: Chị Lao Thị D và anh Nguyễn Viết D1 có hai con chung là các cháu Nguyễn Đức V, sinh ngày 23/8/2018 và Nguyễn Viết V1, sinh ngày 21/9/2020. Hiện cả 02 cháu đều đang ở với anh D1. Nguyện vọng của chị D xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Viết V1 còn anh D1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đức V. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Viết V1 còn nhỏ rất cần có mẹ ở bên để chăm sóc. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định cho các cháu cũng như nguyện vọng của các bên nên giao cháu Viết V1 cho chị D, giao cháu Đức V cho anh D1 được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra việc xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lao Thị D phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: - Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Lao Thị D được ly hôn anh Nguyễn Viết D1.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Viết V1, sinh ngày 21/9/2020 cho chị Lao Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Giao cháu Nguyễn Đức V, sinh ngày 23/8/2018 cho anh D1 tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc

thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lao Thị D phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001248 ngày 14/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận: - Các đương sự; - TAND tỉnh Ninh Bình; - VKSND huyện N; - Chi cục THADS huyện N; - UBND xã X; - Lưu hồ sơ vụ án.	**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM** **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà** (đã ký) **Nguyễn Thị Hương Quỳnh**